

CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 67/BDHC-P2

Đắk Lắk, ngày 20 tháng 03 năm 2026.

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Thủy điện Buôn Đôn thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

- Mã chứng khoán: BSA
- Địa chỉ: Tầng 7, khách sạn Biệt Điện, số 01 đường Ngô Quyền, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
- Điện thoại liên hệ/Tel:02623 891368 Fax: 02623 891348
- Email: srepok4a@gmail.com Website: <https://thuydienbuondon.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2025.

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 20/03/2026 tại đường dẫn: <https://thuydienbuondon.vn/bsacbt-bao-cao-tai-chinh-da-kiem-toan-nam-2025l-830-tin-tuc-629-sub.html>

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2025.
- Văn bản giải trình chênh lệch LNST tăng trên 10% so với năm BCTC năm 2024



Trương Hải Quang



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN**

Số: 68/BDHC-P2
Về việc giải trình LNST năm 2025
tăng trên 10% LNST so với năm
2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 20 tháng 03 năm 2026.

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn đã được kiểm toán;

Chúng tôi giải trình số liệu Báo cáo tài chính cụ thể như sau:

Chênh lệch lợi nhuận sau thuế Báo cáo tài chính năm 2025 tăng trên 10% so với lợi nhuận sau thuế Báo cáo tài chính năm 2024 chủ yếu là do sản lượng điện năm 2025 (302 triệu kWh) cao hơn so với sản lượng điện năm 2024 (241 triệu kWh)

Vì vậy lợi nhuận sau thuế Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty tăng so với Báo cáo tài chính năm 2024

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, P2.

GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG HẢI QUANG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN BUỒN ĐƠN



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	12 - 33



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đơn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000884487, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 5 năm 2009 và đăng ký thay đổi đến lần thứ mười một ngày 29 tháng 9 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án Thủy điện Srêpôk 4A mã số 40121000095, chứng nhận lần đầu ngày 03 tháng 02 năm 2010 và chứng nhận thay đổi đến lần thứ hai ngày 04 tháng 01 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp với tổng vốn đầu tư đăng ký là 1.971.851.000.000 VND, thời gian thực hiện dự án là 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, Phường Buôn Ma Thuật, Tỉnh Đắk Lắk
- Điện thoại : 0262 3891 368
- Fax : 0262 3891 348

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh điện năng.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Vương Anh Dũng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2025
Ông Vũ Thành Danh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2025
Ông Lê Hoàng Triều	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Ông Trịnh Hoàng Nhân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Văn Luận	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
		Đã mất ngày 13 tháng 01 năm 2026
Ông Hồ Nam Khánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Ông Phạm Quốc Thái	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Bà Trần Tuyết Loan	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Trương Hải Quang	Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 11 năm 2024
Ông Phan Quang Vũ	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2025
Ông Phạm Văn Tùng	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 3 năm 2025



Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trương Hải Quang – Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 11 năm 2024).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Trương Hải Quang
Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2026



Số: 1.0361/26/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUỒN ĐƠN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Buồn Đơn (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 19 tháng 3 năm 2026, từ trang 5 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Thủy điện Buồn Đơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Văn Kiên

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0192-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2026



Nguyễn Thanh Thanh Tú

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 5933-2023-008-1



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUỒN ĐỒN

Địa chỉ: Tầng 7 - Khách sạn Biệt Điện - Số 01 - Đường Ngô Quyền - Phường Buôn Ma Thuật - Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		481.314.059.374	392.682.169.504
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	32.972.141.056	70.440.053.820
1. Tiền	111		1.972.141.056	440.053.820
2. Các khoản tương đương tiền	112		31.000.000.000	70.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		444.564.282.091	319.609.477.900
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	319.799.067.226	223.935.868.910
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.108.726.027	922.165.500
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	123.706.488.838	94.801.443.490
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(50.000.000)	(50.000.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		3.356.281.081	2.042.908.440
1. Hàng tồn kho	141	V.6	3.356.281.081	2.042.908.440
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		421.355.146	589.729.344
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	421.355.146	589.729.344
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUỒN ĐỒN

Địa chỉ: Tầng 7 - Khách sạn Biệt Điện - Số 01 - Đường Ngô Quyền - Phường Buon Ma Thuật - Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		766.514.926.428	883.321.798.527
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.500.000	54.700.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	3.500.000	54.700.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		668.375.692.138	795.735.645.110
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	665.014.070.718	792.283.476.562
- Nguyên giá	222		1.839.566.616.557	1.839.141.229.557
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.174.552.545.839)	(1.046.857.752.995)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	3.361.621.420	3.452.168.548
- Nguyên giá	228		3.773.470.000	3.773.470.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(411.848.580)	(321.301.452)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		14.567.503.215	3.095.175.212
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	14.567.503.215	3.095.175.212
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		83.568.231.075	84.436.278.205
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	73.884.893.203	76.340.230.827
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.11	9.683.337.872	8.096.047.378
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.247.828.985.802	1.276.003.968.031

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7 - Khách sạn Biệt Điện - Số 01 - Đường Ngô Quyền - Phường Buôn Ma Thuật - Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		281.029.510.802	369.661.070.001
I. Nợ ngắn hạn	310		247.454.510.802	280.682.070.477
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	3.375.575.649	1.376.749.671
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	2.331.014.959	2.331.014.959
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	20.174.484.110	12.224.896.752
4. Phải trả người lao động	314	V.15	6.843.877.691	3.694.728.063
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	5.308.972.652	10.149.189.646
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	37.845.715.329	2.770.893.525
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a,c	170.588.452.218	245.322.522.937
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	986.418.194	2.812.074.924
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		33.575.000.000	88.978.999.524
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b,c	33.575.000.000	88.978.999.524
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7 - Khách sạn Biệt Điện - Số 01 - Đường Ngô Quyền - Phường Buôn Ma Thuật - Tỉnh Đắk Lắk


BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		966.799.475.000	906.342.898.030
I. Vốn chủ sở hữu	410		966.799.475.000	906.342.898.030
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	668.509.750.000	668.509.750.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		668.509.750.000	668.509.750.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	10.824.284.000	10.824.284.000
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	287.465.441.000	227.008.864.030
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		125.087.709.420	227.008.864.030
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		162.377.731.580	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.247.828.985.802	1.276.003.968.031

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 3 năm 2026


Lê Thị Kiều Vi
Người lập


Phạm Văn Tùng
Kế toán trưởng


Trương Hải Quang
Giám đốc



Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐƠN

Địa chỉ: Tầng 7 - Khách sạn Biệt Điện - Số 01 - Đường Ngô Quyền - Phường Buôn Ma Thuật - Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	367.175.113.078	296.141.935.115
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		367.175.113.078	296.141.935.115
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	195.556.792.560	183.447.996.926
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		171.618.320.518	112.693.938.189
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	28.902.336.984	4.537.484.392
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	15.258.427.803	28.327.769.496
Trong đó: chi phí lãi vay	23		14.863.871.628	28.267.777.925
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	14.476.011.987	13.687.376.348
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		170.786.217.712	75.216.276.737
11. Thu nhập khác	31	VI.6	361.405.860	-
12. Chi phí khác	32	VI.7	10.000.000	124.695.145
13. Lợi nhuận khác	40		351.405.860	(124.695.145)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		171.137.623.572	75.091.581.592
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	8.759.891.992	4.778.774.246
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		162.377.731.580	70.312.807.346
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	2.384	1.027
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	2.384	1.027

Lê Thị Kiều Vi
Người lập

Phạm Văn Tùng
Kế toán trưởng



Đắk Lắk, ngày 19 tháng 3 năm 2026

Trương Hải Quang
Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7 - Khách sạn Biệt Điện - Số 01 - Đường Ngô Quyền - Phường Buon Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		171.137.623.572	75.091.581.592
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, 9	127.785.339.972	127.833.768.925
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	-	(62.184)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(405.939.336)	(603.887.272)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	14.863.871.628	28.267.777.925
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		313.380.895.836	230.589.178.986
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(125.703.205.399)	11.939.078.544
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.6	(2.900.663.135)	171.019.700
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		10.225.981.359	(1.491.990.705)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.8	2.623.711.822	1.964.708.045
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.16, VI.4	(19.495.847.274)	(33.062.664.697)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(4.814.520.031)	(2.432.453.420)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.19	200.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(3.670.348.840)	(3.132.659.449)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		169.846.004.338	204.544.217.004
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8, 9	(11.706.882.703)	(1.289.114.542)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.4a, VI.3	596.566.732	435.047.546
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.110.315.971)	(854.066.996)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐƠN

Địa chỉ: Tầng 7 - Khách sạn Biệt Điện - Số 01 - Đường Ngô Quyền - Phường Buon Ma Thuật - Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		333.805.492.555	123.503.039.438
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(463.165.643.686)	(211.803.467.241)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17, 20	(66.843.450.000)	(66.843.450.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(196.203.601.131)	(155.143.877.803)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(37.467.912.764)	48.546.272.205
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	70.440.053.820	21.893.719.431
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	VI.3	-	62.184
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	32.972.141.056	70.440.053.820

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 3 năm 2026



Lê Thị Kiều Vi
Người lập

Phạm Văn Tùng
Kế toán trưởng

Trương Hải Quang
Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh điện năng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu trong năm nay tăng mạnh so với năm trước chủ yếu do năm trước bị ảnh hưởng bởi thời tiết khắc nghiệt, hạn hán nặng trong các tháng đầu năm. Năm nay thời tiết thuận lợi nên sản lượng điện sản xuất năm nay tăng mạnh, dẫn đến doanh thu và lợi nhuận gộp tăng so với năm trước..

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 56 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 55 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”) và các Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200. Các quy định của Thông tư 99 được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản chênh lệch đánh giá lại khoản mục phải trả ngoại tệ với Ngân hàng Sumitomo Mitsui đang treo lại phải thu do Công ty xác định sẽ thu lại được của Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUỒN ĐỒN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐƠN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất còn lại (không quá 50 năm).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 40
Máy móc và thiết bị	05 – 13
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUỒN ĐỒN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 46 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có Quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán điện thương phẩm

Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào Biên bản xác nhận sản lượng điện năng đã phát vào lưới điện quốc gia được Công ty Mua bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam xác nhận và đơn giá qui định trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng mua bán điện đã được ký kết.

Doanh thu chuyển nhượng tín chỉ carbon

Doanh thu chuyển nhượng tín chỉ carbon được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng tín chỉ.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐƠN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	77.435.397	61.396.052
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.894.705.659	378.657.768
Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	31.000.000.000	70.000.000.000
Cộng	32.972.141.056	70.440.053.820

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Mua bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	319.749.067.226	223.885.868.910
Công ty TNHH MTV Xây dựng Khánh Dương	50.000.000	50.000.000
Cộng	319.799.067.226	223.935.868.910

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tianjin Shengwei Electromechanical Co., LTD	373.713.759	-
Công ty TNHH Tư vấn Nông lâm nghiệp và Dịch vụ Phương Bắc	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Sodema	-	604.765.500
Các nhà cung cấp khác	435.012.268	17.400.000
Cộng	1.108.726.027	922.165.500



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

4a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Chênh lệch tỷ giá của khoản vay ngoại tệ ⁽ⁱ⁾	122.043.808.180	-	94.325.348.292	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	13.849.316	-	204.476.712	-
Tạm ứng	12.051.251	-	9.000.000	-
Các khoản đặt cọc, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	50.000.000	-	-	-
Các khoản phải thu khác	1.586.780.091	-	262.618.486	-
Cộng	123.706.488.838	-	94.801.443.490	-

- (i) Theo quy định tại Thông tư 57/2020/TT-BCT ngày 31/12/2020 của Bộ Công thương về phương pháp tính giá điện, trình tự kiểm tra hợp đồng mua bán điện cũng như theo thỏa thuận tại hợp đồng mua bán điện số 05/2014/HĐ-NMĐ-Srêpôk4A ngày 29 tháng 8 năm 2016 giữa Công ty và Tập đoàn điện lực Việt Nam, Công ty sẽ được Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam thanh toán phần chênh lệch tỷ giá của các khoản vay ngoại tệ.

Công ty đã được Công ty Mua bán điện đồng ý thanh toán phần chênh lệch tỷ giá từ thời điểm phát sinh hợp đồng vay ngoại tệ đến năm 2019 (bao gồm đến hết năm 2018 và 31,7% chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm 2019). Tại thời điểm ngày 31/12/2025, phần chênh lệch tỷ giá tương ứng nợ gốc vay đã trả cho Ngân hàng là 122.043.808.180 VND đang chờ quyết toán với Bộ Công thương và Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

4b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản tiền ký quỹ, ký cược dài hạn.

5. Nợ xấu

Khoản phải thu Công ty TNHH MTV Xây dựng Khánh Dương với khoản nợ gốc là 50.000.000 VND (xem thuyết minh số V.2) đã quá hạn thanh toán trên 3 năm và được trích dự phòng 100% khoản nợ gốc.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	50.000.000	50.000.000
Số cuối năm	50.000.000	50.000.000

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.333.381.956	-	2.015.491.181	-
Công cụ, dụng cụ	22.899.125	-	27.417.259	-
Cộng	3.356.281.081	-	2.042.908.440	-



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐƠN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	265.671.802	296.347.215
Chi phí thuê văn phòng	-	82.636.360
Chi phí sửa chữa	56.387.962	-
Công cụ, dụng cụ	21.429.147	76.648.219
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	77.866.235	134.097.550
Cộng	421.355.146	589.729.344

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	73.427.022.612	75.702.623.736
Công cụ, dụng cụ	157.446.162	98.025.942
Chi phí các dịch vụ và sửa chữa bảo dưỡng	300.424.429	539.581.149
Cộng	73.884.893.203	76.340.230.827

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.294.420.374.168	539.048.091.989	5.058.586.955	614.176.445	1.839.141.229.557
Mua trong năm	-	425.387.000	-	-	425.387.000
Số cuối năm	1.294.420.374.168	539.473.478.989	5.058.586.955	614.176.445	1.839.566.616.557
Trong đó:					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	112.354.975	10.567.028.166	1.667.711.501	614.176.445	12.961.271.087
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	614.268.665.093	428.650.747.589	3.324.163.868	614.176.445	1.046.857.752.995
Khấu hao trong năm	75.707.693.124	51.610.658.388	376.441.332	-	127.694.792.844
Số cuối năm	689.976.358.217	480.261.405.977	3.700.605.200	614.176.445	1.174.552.545.839
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	680.151.709.075	110.397.344.400	1.734.423.087	-	792.283.476.562
Số cuối năm	604.444.015.951	59.212.073.012	1.357.981.755	-	665.014.070.718
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng như sau:

- Máy biến áp ngầm dầu 50 MVA có giá trị còn lại theo sổ sách là 7.119.466.268 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk (xem thuyết minh số V.18a);



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐƠN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Một số máy móc, thiết bị tại Nhà máy Thủy điện Srêpôk 4A có giá trị còn lại theo sổ sách là 49.598.740.830 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.18a,b).

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.693.470.000	80.000.000	3.773.470.000
Số cuối năm	<u>3.693.470.000</u>	<u>80.000.000</u>	<u>3.773.470.000</u>
Trong đó:			
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	80.000.000	80.000.000
Chờ thanh lý	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	241.301.452	80.000.000	321.301.452
Khấu hao trong năm	90.547.128	-	90.547.128
Số cuối năm	<u>331.848.580</u>	<u>80.000.000</u>	<u>411.848.580</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.452.168.548	-	3.452.168.548
Số cuối năm	<u>3.361.621.420</u>	-	<u>3.361.621.420</u>
Trong đó:			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	3.095.175.212	11.472.328.003	14.567.503.215
- Công trình Thủy điện Srêpôk 4A Chi phí dự án năng lượng mặt trời ⁽¹⁾	2.311.469.508	-	2.311.469.508
- Trụ sở làm việc	783.705.704	11.472.328.003	12.256.033.707
Cộng	<u>3.095.175.212</u>	<u>11.472.328.003</u>	<u>14.567.503.215</u>

- ⁽¹⁾ Hội đồng quản trị đã phê duyệt kế hoạch thực hiện các bước tiếp theo để bổ sung đầu tư Dự án Nhà máy Điện mặt trời Buôn Đơn vào Quy hoạch phát triển điện VIII điều chỉnh tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/NQ-HĐQT-BDHC ngày 28 tháng 02 năm 2025.

11. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	9.683.337.872	8.096.047.378
Trừ dự phòng	-	-
Giá trị thuần	<u>9.683.337.872</u>	<u>8.096.047.378</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUỒN ĐỒN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Một số thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế của máy phát điện và máy biến áp có giá trị ghi sổ là 6.171.228.767 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay và nợ của khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.18a,b).

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật tư Xây dựng 4	1.110.840.804	1.110.840.804
Công ty TNHH Anh Bình	965.034.000	-
Công ty Cổ phần Sodema	897.105.301	-
Công ty TNHH Việt Đăng Khoa	359.777.600	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vinh Thành	-	246.483.832
Các nhà cung cấp khác	42.817.944	19.425.035
Cộng	3.375.575.649	1.376.749.671

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Là khoản ứng tiền mua tín chỉ carbon của Công ty Cổ phần Net Zero Carbon.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.277.931.220	25.693.182.111	(24.866.923.671)	3.104.189.660
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.300.042.387	8.759.891.992	(4.814.520.031)	8.245.414.348
Thuế thu nhập cá nhân	116.190.265	1.397.901.435	(1.244.044.439)	270.047.261
Thuế tài nguyên	2.453.215.820	33.022.436.036	(31.071.499.855)	4.404.152.001
Thuế nhà thầu	-	180.364.718	(180.364.718)	-
Lệ phí môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên	-	3.005.541.200	(3.005.541.200)	-
Phí dịch vụ môi trường rừng	3.077.517.060	10.877.604.660	(9.787.087.152)	4.168.034.568
Tiền thuê đất	-	40.492.032	(57.845.760)	(17.353.728)
Thuế đất phi nông nghiệp	-	1.626.912	(1.626.912)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	127.310.683	(127.310.683)	-
Cộng	12.224.896.752	83.109.351.780	(75.159.764.421)	20.174.484.110

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

- Điện thương phẩm : 10%
- Tín chỉ carbon : 10%

Năm 2025, thuế suất giá trị gia tăng của điện thương phẩm giảm xuống còn 8% theo Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/202 và Nghị định 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư số 8511552116 ngày 04 tháng 01 năm 2017 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ dự án đầu tư nhà máy thủy điện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn với thuế suất 10% trong 15 năm đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới và được miễn thuế trong 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐƠN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2025 là năm thứ 12 Công ty hưởng ưu đãi về thuế suất và năm thứ 8 được giảm 50% số thuế phải nộp đối với thu nhập từ dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Srêpôk 4A.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	171.137.623.572	75.091.581.592
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.794.721.985	1.978.884.971
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(134.828)
Thu nhập tính thuế	172.932.345.557	77.070.331.735
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	34.586.469.111	15.414.066.347
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(17.217.718.079)	(7.383.651.373)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(8.608.859.040)	(3.691.825.686)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	8.759.891.992	4.338.589.288
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	440.184.958
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	8.759.891.992	4.778.774.246

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước nguồn với giá tính thuế là giá bán điện thương phẩm bình quân, thuế suất là 5% và với mức giá chi tiết như sau:

- Từ ngày 11/10/2024 đến trước ngày 10/05/2025	2.103,1159 VND/kWh
- Từ ngày 10/05/2025	2.204,0655 VND/kWh

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 753,2 m² đất đang sử dụng tại Thửa đất số 422 tờ bản đồ số 6, mặt tiền đường nội bộ quy hoạch rộng 14, phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuật với mức 38.400 VND/ m² theo thông báo tiền thuê đất của Cơ quan thuế.

Công ty được giảm 30% tiền thuê đất phải nộp năm 2024 và 2025 theo Công văn số 638/QĐ-DLA ngày 20/08/2025 và công văn số 1589/QĐ-DLA ngày 23/10/2025 của Cục thuế Tỉnh Đắk Lắk.

Phí dịch vụ môi trường rừng

Công ty phải nộp phí dịch vụ môi trường rừng cho hoạt động thủy điện với đơn giá là 36 VND/kWh.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả cho người lao động.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	915.953.496	5.547.929.142
Phí bảo lãnh vay vốn	-	196.929.478
Các chi phí thuộc các hạng mục khác - Công trình		
Nhà máy thủy điện	4.333.095.546	4.333.095.546
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	59.923.610	71.235.480
Cộng	5.308.972.652	10.149.189.646

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	28.517.296.500	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 - Cổ tức phải trả	10.362.091.000	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa - Cổ tức phải trả	8.356.525.000	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại - Cổ tức phải trả	5.013.915.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 - Cổ tức phải trả	1.671.304.500	-
Ông Nguyễn Văn Luận - Cổ tức phải trả	3.113.461.000	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	9.328.418.829	2.770.893.525
Cổ tức phải trả	4.988.354.258	72.638.258
Công ty TNHH TM và XNK Hoàng Gia Phát	235.000.000	235.000.000
Thuế GTGT phải nộp chưa kê khai	4.080.064.571	2.463.255.267
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	25.000.000	-
Cộng	37.845.715.329	2.770.893.525

Căn cứ Nghị quyết số 57/NQ-HĐQT-BDHC ngày 18/12/2025 của Hội đồng quản trị về việc thông qua chi trả cổ tức bằng tiền đợt 2 (phần còn lại) năm 2024 cho cổ đông, ngày 31 tháng 12 năm 2025 Công ty đã có Thông báo về chi trả cổ tức, ngày thực hiện chi trả cổ tức là ngày 16 tháng 01 năm 2026.

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay ngắn hạn/dài hạn

18a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk ⁽ⁱ⁾	14.976.256.592	73.681.022.197
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾	24.406.197.102	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	131.205.998.524	171.641.500.740



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buon Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ngân hàng Sumitomo Mitsui	-	149.166.738.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hoà	131.205.998.524	22.474.762.740
Cộng	170.588.452.218	245.322.522.937

Công ty có khả năng thanh toán các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Hợp đồng số 25.85.1209/2025-HĐCVHM/NHCT502-BUONDON ngày 12/09/2025 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất và phân phối điện. Thời hạn vay từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31/08/2026, hạn mức vay là 15 tỷ đồng, lãi suất theo từng kế ước nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng trong suốt thời gian vay.

Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc biến áp tại Nhà máy Thủy điện Srêpôk 4A với tổng giá trị tài sản cố định thế chấp là 11.000.000.000 VND theo Hợp đồng thế chấp số 24.85.1508.2024/HĐĐB/NHCT502 (xem thuyết minh số V.8);

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng số 01/2025/2911357/HĐTD ngày 15/11/2025 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C. Thời hạn vay từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30/10/2026 với hạn mức cho vay là 30 tỷ đồng, lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng từng thời kỳ.

Hợp đồng vay này và hợp đồng vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa được cùng đảm bảo thanh toán bằng thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 01/2025/2911357/HĐTC ngày 15/01/2025 (xem thuyết minh số V.18b).

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Vay ngắn hạn</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Tổng cộng</u>
Số đầu năm	73.681.022.197	171.641.500.740	245.322.522.937
Số tiền vay phát sinh trong năm	152.686.492.555	-	152.686.492.555
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	219.399.548.524	219.399.548.524
Số tiền vay đã trả trong năm	(186.985.061.058)	(259.835.050.740)	(446.820.111.798)
Số cuối năm	39.382.453.694	131.205.998.524	170.588.452.218

18b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Sumitomo Mitsui ⁽ⁱ⁾	-	74.123.451.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hoà ⁽ⁱⁱ⁾	33.575.000.000	14.855.548.524
Cộng	33.575.000.000	88.978.999.524

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng Sumitomo Mitsui để thanh toán các chi phí thực hiện đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Thủy điện Srêpôk 4A với lãi suất LIBOR cộng lợi nhuận biên, thời hạn vay 14 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 3 năm. Số tiền vay được hoàn trả 6 tháng/lần, thanh toán lần đầu vào ngày 26 tháng 8 năm 2015. Ngày 20/05/2025, Công ty đã thanh toán toàn bộ số dư nợ vay trước hạn và thanh lý hợp đồng vay.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng số 02/2024/2911357 ngày 30/12/2024 để trả nợ trước hạn toàn bộ dư nợ gốc của khoản vay giữa Công ty và Tập đoàn ngân hàng Sumitomo Mitsui (SMBC), Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Đắk Lắk (HDBank). Lãi suất tiền vay theo từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng trong suốt thời gian vay. Thời hạn vay tương đương thời hạn còn lại của các khoản vay tại SMBC và HDBank, cụ thể là:
 - Khoản vay trả nợ trước hạn cho SMBC: Từ ngày giải ngân đến ngày 21/02/2026;
 - Khoản vay trả nợ trước hạn cho HDBank theo hợp đồng tín dụng số 29495/19MN/HĐTD ngày 20/08/2019; từ ngày giải ngân đến ngày 21/08/2026;
 - Khoản vay trả nợ trước hạn cho HDBank theo hợp đồng tín dụng số 24342/20MN/HĐTD ngày 18/08/2020; từ ngày giải ngân đến ngày 18/08/2028;

Hợp đồng vay này và hợp đồng vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.18a) được cùng đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc, thiết bị tại Nhà máy Thủy điện Srêpôk 4A và các khoản phải thu với tổng giá trị tài sản thế chấp là 335.047.000.000 VND theo Hợp đồng thế chấp số 01/2025/2911357/HĐTC ngày 15/01/2025 (xem thuyết minh số V.8, V.11).

- Hợp đồng số 01/2025/2911357HĐTD ngày 20/08/2025 để bù đắp tài chính đối với các chi phí đã thanh toán, chi trả bằng vốn Công ty để thực hiện đầu tư dự án. Lãi suất tiền vay trong 06 tháng đầu tiên cố định là 6,4%/năm và sau đó sẽ được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng trong suốt thời gian vay. Thời hạn vay 23 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Hợp đồng vay này được được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản thu từ hợp đồng mua bán điện Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A theo Hợp đồng thế chấp số 03/2025/2911357/HĐBĐ ngày 12/06/2025 (xem thuyết minh số V.8, V.11).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	131.205.998.524	171.641.500.740
Trên 1 năm đến 5 năm	33.575.000.000	88.978.999.524
Cộng	164.780.998.524	260.620.500.264

Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
Số đầu năm	88.978.999.524
Số tiền vay phát sinh trong năm	238.119.000.000
Số tiền vay đã trả	(74.123.451.000)
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(219.399.548.524)
Số cuối năm	33.575.000.000

18c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.812.074.924	1.054.692.110	200.000.000	(2.970.348.840)	(110.000.000)	986.418.194
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	590.000.000	-	(590.000.000)	-	-
Cộng	2.812.074.924	1.644.692.110	200.000.000	(3.560.348.840)	(110.000.000)	986.418.194

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	668.509.750.000	10.824.284.000	225.591.967.549	904.926.001.549
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2023	-	-	(2.044.935.865)	(2.044.935.865)
Trả cổ tức năm 2023	-	-	(66.850.975.000)	(66.850.975.000)
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	70.312.807.346	70.312.807.346
Số dư cuối năm trước	668.509.750.000	10.824.284.000	227.008.864.030	906.342.898.030
Số dư đầu năm nay	668.509.750.000	10.824.284.000	227.008.864.030	906.342.898.030
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2024	-	-	(1.644.692.110)	(1.644.692.110)
Trả cổ tức năm 2024	-	-	(100.276.462.500)	(100.276.462.500)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	162.377.731.580	162.377.731.580
Số dư cuối năm nay	668.509.750.000	10.824.284.000	287.465.441.000	966.799.475.000

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Chi tiết góp vốn theo cổ đông lớn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	207.241.820.000	207.241.820.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	167.130.500.000	167.130.500.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	100.278.300.000	100.278.300.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	33.426.090.000	33.426.090.000
Ông Nguyễn Văn Luận	62.269.220.000	62.056.220.000
Các cổ đông khác	98.163.820.000	98.376.820.000
Cộng	668.509.750.000	668.509.750.000

Chi tiết vốn góp của các cổ đông nêu trên được ghi nhận theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số: VNDVCAVSDB010335/VSDBSAXX ngày 06/01/2026.

20c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	66.850.975	66.850.975
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	66.850.975	66.850.975
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	66.850.975	66.850.975

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 19/NQ-ĐHĐCĐ-BDHC ngày 25 tháng 04 năm 2025 như sau:

	Số tiền (VND)
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 1.054.692.110
• Trích Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	: 590.000.000
• Chia cổ tức cho cổ đông bằng tiền	: 100.276.462.500

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, không có tiền ngoại tệ (số đầu năm là 73,94 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện thương phẩm	367.175.113.078	293.503.070.534
Doanh thu bán tín chỉ carbon	-	2.638.864.581
Cộng	367.175.113.078	296.141.935.115

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn điện thương phẩm	195.556.792.560	183.447.996.926
Cộng	195.556.792.560	183.447.996.926

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	405.939.336	603.887.272
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	28.496.397.648	3.933.534.936
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	62.184
Cộng	28.902.336.984	4.537.484.392

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	14.863.871.628	27.185.960.449
Phí đại lý và phí bảo lãnh khoản vay	161.947.928	1.081.817.476
Chi phí vay vốn khác	232.608.247	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	59.991.571
Cộng	15.258.427.803	28.327.769.496

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐƠN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.423.348.761	5.569.689.691
Chi phí đồ dùng văn phòng	77.002.856	470.340.527
Chi phí khấu hao tài sản cố định	243.102.179	274.104.481
Thuế, phí và lệ phí	95.118.944	105.410.240
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.283.374.350	3.665.003.793
Các chi phí khác	2.354.064.897	3.602.827.616
Cộng	14.476.011.987	13.687.376.348

6. Thu nhập khác

Số năm nay là thu nhập từ hoàn phí bảo hiểm khoản vay trả trước hạn.

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phạt do vi phạm hành chính	10.000.000	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	124.695.145
Cộng	10.000.000	124.695.145

8. Lãi trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	162.377.731.580	70.312.807.346
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.435.665.974)	(1.054.692.110)
Trích thưởng quỹ thưởng Ban điều hành	(590.000.000)	(590.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	159.352.065.606	68.668.115.236
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	66.850.975	66.850.975
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.384	1.027

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.856.810.461	6.929.662.080
Chi phí nhân công	17.280.543.361	13.911.957.660
Chi phí khấu hao tài sản cố định	127.785.339.972	127.833.768.925
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.350.683.744	42.430.502.705
Chi phí khác	4.759.427.009	6.029.481.904
Cộng	210.032.804.547	197.135.373.274

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Công nợ mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, công nợ liên quan đến mua sắm tài sản cố định như sau:

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ứng trước tiền mua sắm tài sản cố định	468.945.300	300.000.000
Phải trả tiền mua sắm tài sản cố định	1.470.618.404	1.110.840.804

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với thành viên Hội đồng quản trị có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Văn Luận – Thành viên HĐQT		
Cổ tức phải trả	9.338.883.000	6.205.622.000
Cổ tức đã trả	6.225.422.000	6.205.622.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.17

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Tiền lương, thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay			
Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	144.000.000	144.000.000
Các thành viên Hội đồng quản trị	-	336.000.000	336.000.000
Trưởng Ban kiểm soát	-	84.000.000	84.000.000
Các thành viên Ban kiểm soát	-	144.000.000	144.000.000
Giám đốc	528.266.346	-	528.266.346
Các thành viên quản lý khác	1.044.338.222	36.000.000	1.080.338.222
Cộng	1.572.604.568	744.000.000	2.316.604.568



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Tiền lương, thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Năm trước			
Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	144.000.000	144.000.000
Các thành viên Hội đồng quản trị	-	336.000.000	336.000.000
Trưởng Ban kiểm soát	-	84.000.000	84.000.000
Các thành viên Ban kiểm soát	-	144.000.000	144.000.000
Giám đốc	485.100.168	-	485.100.168
Các thành viên quản lý khác	968.352.253	36.000.000	1.004.352.253
Cộng	1.453.452.421	744.000.000	2.197.452.421

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	Cổ đông sở hữu 31% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Cổ đông sở hữu 25% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	Cổ đông sở hữu 15% vốn điều lệ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác. Các giao dịch khác với các bên liên quan khác trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4		
Cổ tức phải trả	31.086.273.000	20.724.182.000
Cổ tức đã trả	20.724.182.000	20.724.182.000
Chi phí lập hồ sơ	196.883.414	291.666.667
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa		
Cổ tức phải trả	25.069.575.000	16.713.050.000
Cổ tức đã trả	16.713.050.000	16.713.050.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại		
Cổ tức phải trả	15.041.745.000	10.027.830.000
Cổ tức đã trả	10.027.830.000	10.027.830.000

Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.17.

2. **Thông tin về bộ phận**

Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện năng trong lãnh thổ Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Thông tin về xác định lại giá bán điện

Công ty đã nộp hồ sơ xác định lại giá bán điện cho Công ty Mua bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam và đang trong quá trình xác định lại giá bán điện trong thời gian tới theo quy định. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, chưa có thông tin cuối cùng về giá bán điện. Thông tin về xác định lại giá bán điện không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh được trình bày trong Báo cáo tài chính này.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 3 năm 2026



Lê Thị Kiều Vi
Người lập



Phạm Văn Tùng
Kế toán trưởng



Trương Hải Quang
Giám đốc

